



I can do it!



CHƯƠNG 2:

VỐN VÀ NGHIỆP VỤ TẠO VỐN CỦA NHTM



NỘI DUNG



1

Khái niệm và vai trò của vốn.

2

Nội dung & tính chất vốn của NHTM.

3

Các biện pháp tạo vốn của NHTM.

4

Xác định chi phí vốn



VỐN VÀ VAI TRÒ CỦA VỐN



❖ *Vốn của NHTM là những giá trị tiền tệ do NHTM tạo lập hoặc huy động được, dùng để cho vay, đầu tư hoặc thực hiện các dịch vụ kinh doanh khác.*



VỐN VÀ VAI TRÒ CỦA VỐN



- ❖ Vốn là cơ sở để Ngân hàng tổ chức mọi hoạt động kinh doanh
- ❖ Vốn quyết định quy mô hoạt động tín dụng và các hoạt động khác của Ngân hàng
- ❖ Vốn quyết định năng lực thanh toán và đảm bảo uy tín của Ngân hàng trên thương trường
- ❖ Vốn quyết định năng lực cạnh tranh của Ngân hàng



NỘI DUNG & TÍNH CHẤT VỐN



- ❖ **VỐN TỰ CÓ**
- ❖ **VỐN HUY ĐỘNG**
- ❖ **VỐN ĐI VAY**
- ❖ **VỐN KHÁC**





NỘI DUNG & TÍNH CHẤT VỐN



1. VỐN TỰ CÓ:

Tại sao 1
NHTM muốn
hoạt động
phải cần vốn
tự có?



**VTC là giá trị tiền tệ do NH
tạo lập được, thuộc sở hữu
riêng của Ngân hàng.**

Đặc điểm:

- Quy mô nhỏ
- Tính Ổn định cao

Chức năng:

Hoạt động- bảo vệ- điều
chỉnh

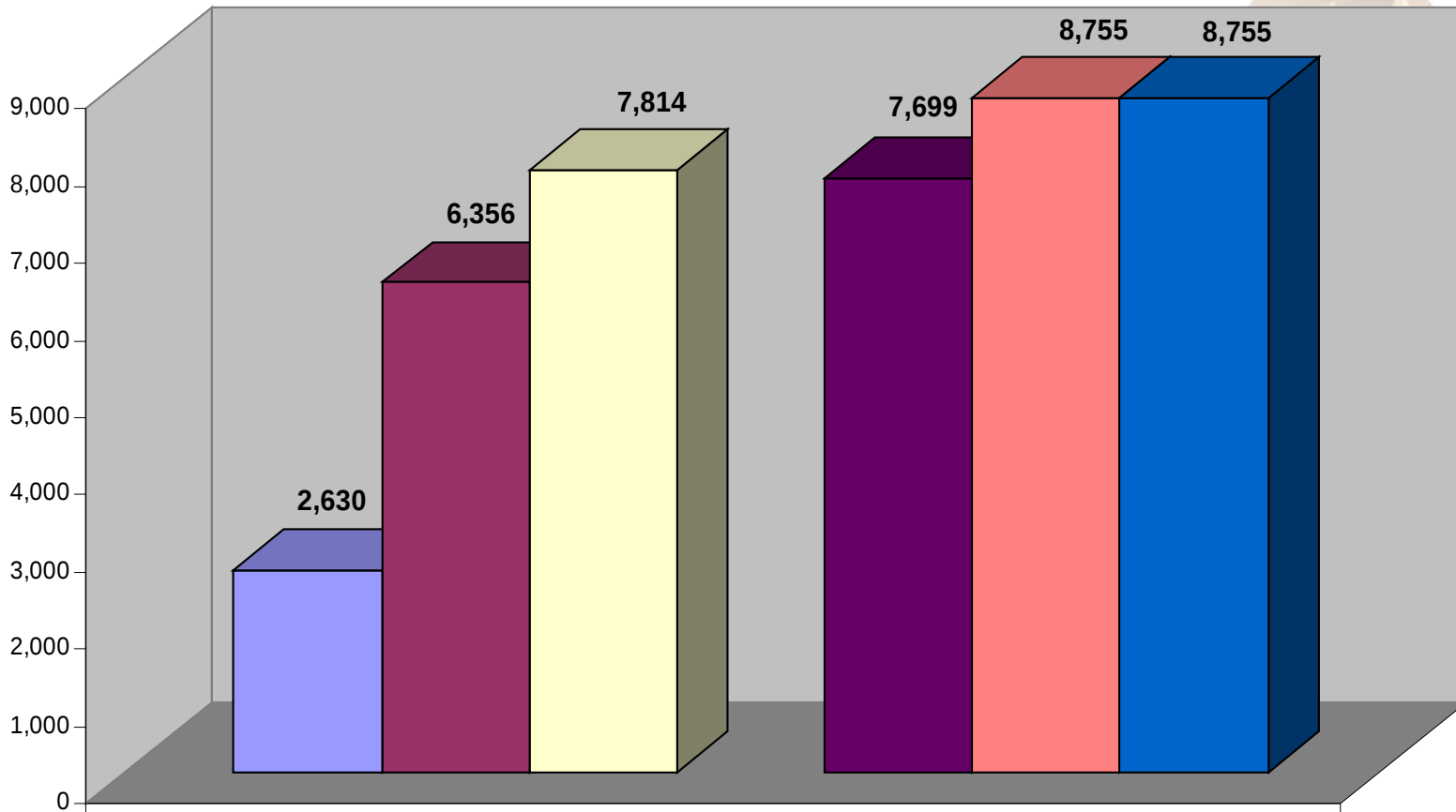


VD



TÌNH HÌNH TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐIỀU LỆ

TỶ ĐỒNG



ACB

BIDV

NGÂN HÀNG



VD



STT	Tên ngân hàng	Số, ngày cấp giấy phép	Vốn điều lệ tính đến năm 2009	Số CN &SGD
1	NH Hàng hải	0001/NHGP ngày 08/06/1991	2.240 tỷ đồng	26
2	NH Nông nghiệp & Phát triển nông thôn VN	280/QĐ-NH5 ngày 15/01/1996	13.400 tỷ đồng	926
3	NH Kỹ Thương	0040/NHGP ngày 06/08/1993	3.642 tỷ đồng	46
4	NH Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam	287 /QĐ-NH5 ngày 21/09/1996	8.755 tỷ đồng	111



CHỨC NĂNG VỐN TỰ CÓ



- ❖ Là điều kiện tiên đề để thành lập NH
- ❖ VTC mang chức năng bảo vệ, là “tấm nệm” chống đỡ

rủi ro, là tài sản đảm bảo lòng tin đối với KH.

- ❖ Là căn cứ quyết định quy mô TS Có của mỗi NH.

Quy mô, sự tăng trưởng của VT Có ảnh hưởng đến định năng lực và thế phát triển NHTM.

- ❖ ...





VỐN TỰ CÓ



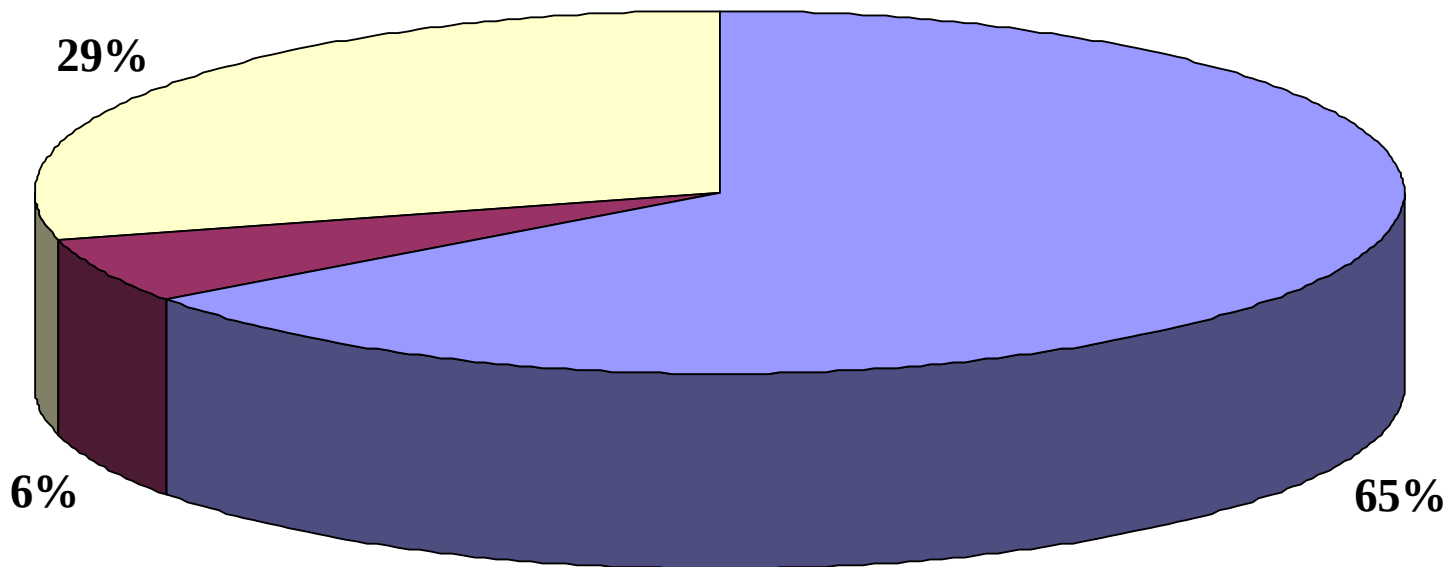
- ❖ Thành phần: (TT 13/NHNN- hiệu lực từ 1/10/2010)
- **Vốn cấp 1:** Vốn điều lệ; Các quỹ(Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ); Thặng dư vốn; Lợi nhuận không chia
- **Vốn cấp 2:** Quỹ dự phòng tài chính, trái phiếu chuyển đổi dài hạn, 1 phần số dư có tài khoản đánh giá lại tài sản, một số các công cụ nợ khác...



VD CƠ CẤU NGUỒN VỐN TRONG THỰC TẾ



CƠ CẤU NGUỒN VỐN NHTMCP ACB NĂM 2009



■ VỐN HUY ĐỘNG ■ VCSH ■ VỐN VAY+ VỐN KHÁC



NỘI DUNG & TÍNH CHẤT VỐN



2. VỐN HUY ĐỘNG

Giá trị tiền tệ mà NH huy động được trong xã hội thông qua nghiệp vụ huy động tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá!





VỐN HUY ĐỘNG



TIỀN GỬI

PHÁT HÀNH
GIẤY TỜ CÓ GIÁ

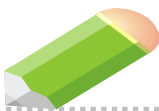
VỐN HUY
ĐỘNG



HUY ĐỘNG TIỀN GỬI



TIỀN GỬI



Tiền gửi của tổ chức kinh tế: Tiền gửi thanh toán, Tiền gửi có kỳ hạn, Tiền ký quỹ,...



Tiền gửi của dân cư: Tiền gửi thanh toán(TG thanh toán, TG có kì hạn), Tiền gửi tiết kiệm(TK không kì hạn, TK có kì hạn),...



GIẤY TỜ CÓ GIÁ



**Chứng chỉ TG:
Phiếu nợ ngắn
hạn**

**Trái phiếu:
Phiếu nợ
trung- dài hạn**



VỐN HUY ĐỘNG



❖ **Tính chất:**

- Không thuộc sở hữu của NHTM;
- Tính biến động cao;
- Chiếm tỷ trọng tuyệt đối trong tổng nguồn của NHTM;
- Ảnh hưởng tới chi phí, các rủi ro của NHTM.



NỘI DUNG & TÍNH CHẤT VỐN



3. VỐN ĐI VAY

Mối quan hệ vay mượn:

NHTM <--> NHTW

NHTM <--> NHTM khác (hoặc tổ chức TD khác)



*Tự huy động
được
hay phải đi
vay???*



VỐN ĐI VAY



❖ Tính chất:

- Không thuộc sở hữu của NHTM;
- Độ ổn định cao hơn vốn huy động;
- Lãi suất nhạy cảm.

Ưu điểm: giải quyết nhanh chóng nhu cầu vốn của NH với khối lượng lớn.



VỐN ĐI VAY



Thành phần:

- **Vay NHTW:** Tái chiết khấu
Cho vay lại theo các hợp đồng TD
Cầm cố các giấy tờ có giá
- **Vay các tổ chức TD khác:** vay trên thị trường liên NH với lãi suất thị trường(mối quan hệ song phương)



NỘI DUNG & TÍNH CHẤT VỐN



4. VỐN KHÁC:

Vốn hình thành trong quá trình cung cấp dịch vụ ngân hàng cho khách hàng.

Thành phần:

- Vốn trong thanh toán;
- Vốn từ nghiệp vụ đại lý hoặc uỷ thác.



VỐN KHÁC



❖ Tính chất:

- Không thuộc sở hữu của NHTM;
- Độ ổn định không cao;
- Chi phí thấp.



NGHIỆP VỤ TẠO VỐN



*Nhân tố ảnh hưởng
đến nghiệp vụ tạo vốn*



**NHÂN TỐ
KHÁCH
QUAN**

**NHÂN TỐ
CHỦ
QUAN**



NHÂN TỐ KHÁCH QUAN



- Hành lang pháp lý
- Yếu tố kinh tế
- Yếu tố chính trị
- Yếu tố xã hội...



NHÂN TỐ CHỦ QUAN



- Chính sách lãi suất của NHTM
- Hình thức huy động và cho vay
- Cơ sở vật chất; công nghệ ngân hàng
- Đội ngũ nhân sự
- Danh tiếng của Ngân hàng...



CÁC BIỆN PHÁP TẠO VỐN CỦA NHTM



1

Tạo vốn tự có

Tạo vốn từ bản thân NHTM (tạo vốn từ nguồn nội bộ)

Tạo vốn từ bên ngoài NHTM



TẠO VỐN TỪ NGUỒN NỘI BỘ



- Tạo vốn từ bản thân NHTM:
 - Lợi nhuận sau thuế

Năm nay cố
tức chia tào
nhỉ?





TẠO VỐN TỪ NGUỒN NỘI BỘ



❖ Tỷ lệ tăng trưởng vốn từ nguồn nội bộ (ICGR- Internal capital growth rate)

$$\begin{aligned} \text{ICGR} &= \frac{\text{Thu nhập giữ lại}}{\text{Vốn cổ phần}} = \text{ROE} \times \text{Tỷ lệ thu nhập giữ lại} \\ &= \frac{\text{Thu nhập sau thuế}}{\text{Vốn cổ phần}} \times \frac{\text{Thu nhập giữ lại}}{\text{Thu nhập sau thuế}} \end{aligned}$$



TẠO VỐN TỪ NGUỒN NỘI BỘ



$$\text{ICGR} = \frac{\text{Thu nhập ròng sau thuế}}{\text{Tổng thu từ hoạt động}} \times \frac{\text{Tổng thu từ hoạt động}}{\text{Tổng tài sản}} \times \frac{\text{Tổng tài sản}}{\text{Vốn cổ phần}} \times \frac{\text{Thu nhập giữ lại}}{\text{Thu nhập ròng sau thuế}}$$



TẠO VỐN TỪ NGUỒN BÊN NGOÀI



Phát hành cổ phiếu thường



Phát hành cổ phiếu ưu đãi



Phát hành trái phiếu



Sáp nhập



PHÂN BIỆT CỔ PHIẾU & TRÁI PHIẾU



Trái phiếu	Cổ phiếu
1. Trái phiếu là chứng khoán nợ	1. Cổ phiếu là chứng khoán vốn
2. Hưởng lãi suất cố định	2. Hưởng lợi tức không cố định (đối với CP thường)
3. Có thời hạn hoàn vốn(trừ TP vĩnh cửu)	3. Không có thời hạn hoàn vốn
4. Trái chủ không có quyền biểu quyết	4. Các cổ đông có quyền biểu quyết
5. Được chia lợi tức trước cổ phiếu	5. Được chia lợi tức và nhận tài sản sau trái chủ
6. Không trả được lãi và nợ, công ty có thể bị phá sản	6. Công ty không bị phá sản nếu không trả được cổ tức



PHÂN BIỆT CPT VÀ CPUĐ



Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
1. Hưởng cổ tức không cố định, cao hay thấp tùy thuộc kết quả kinh doanh	1. Hưởng cổ tức cố định bất kể kế hoạch kinh doanh cao hay thấp
2. Hưởng cổ tức sau CPUĐ	2. Hưởng cổ tức trước CP thường
3. Được chia TS sau cùng khi công ty bị thanh lý, phá sản	3. Được chia TS trước cổ đông thường khi công ty bị thanh lý, phá sản
4. Giá cả biến động mạnh hơn CPUĐ	4. Giá cả thường ít dao động hơn CPT
5. Lợi nhuận và rủi ro cao hơn CPUĐ	5. Lợi nhuận và rủi ro thấp hơn CPT



TẠO VỐN TỰ CÓ



❖ Bài tập:

Một NH đang có nhu cầu tăng vốn 20 triệu USD từ bên ngoài. Tổng số CP thường hiện hành của NH là 15 triệu với mệnh giá 1\$/CP. Trong năm tới, NH dự đoán tổng thu từ hoạt động sẽ đạt 245 triệu USD trong đó chi phí chiếm khoảng 90%. Các lựa chọn

nhằm tăng vốn được các nhà quản lý cân nhắc gồm:

- Bán 20 triệu USD CP thường với giá 20\$/CP
- Bán 20 triệu USD CP ưu đãi, lãi suất 8%/năm với giá 15\$/CP
- Bán 20 triệu USD trái phiếu kì hạn 10 năm với lãi suất 9%.

Hãy xác định sự lựa chọn tốt nhất đối với cổ đông của

NH



CÁC BIỆN PHÁP TẠO VỐN CỦA NHTM



2

Tạo vốn huy động

Các biện pháp tạo vốn huy động:

- Biện pháp kinh tế.
- Biện pháp kỹ thuật.
- Biện pháp tâm lý.

Tại sao KH chọn/không chọn NH mình để gửi tiền???



BIỆN PHÁP TẠO VỐN HUY ĐỘNG



❖ Biện pháp kinh tế

- Xây dựng chính sách lãi suất phù hợp và linh hoạt, có tác dụng là đòn bẩy tác động đến lợi ích kinh tế của khách hàng
- Tặng quà, khuyến mại...





BIÊN PHÁP TẠO VỐN HUY ĐỘNG



❖ **Biện pháp kỹ thuật**

- Đa dạng sản phẩm dịch vụ ngân hàng, đặc biệt là sản phẩm huy động
- Hiện đại hoá công nghệ ngân hàng, cải tiến quy trình giao dịch
- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ NH
- Nâng cao chất lượng hoạt động ngân hàng
- ...



BIÊN PHÁP TẠO VỐN HUY ĐỘNG



❖ **Biện pháp tâm lý**

- **Củng cố, duy trì uy tín của NH**
- **Xây dựng cơ sở vật chất hạ tầng**
- **Tìm hiểu, nắm bắt tâm lý của từng đối tượng khách hàng để xây dựng chính sách huy động cho phù hợp...**



CÁC BIỆN PHÁP TẠO VỐN CỦA NHTM



3

Tạo vốn đi vay

- ❖ Từ NHNN
- ❖ Từ các tổ chức TD khác



CÁC BIỆN PHÁP TẠO VỐN CỦA NHTM



4

Tạo vốn khác

- ❖ Tăng cường uy tín
- ❖ Phát triển dịch vụ
- ❖ Đầu tư các yếu tố nội tại đáp ứng yêu cầu

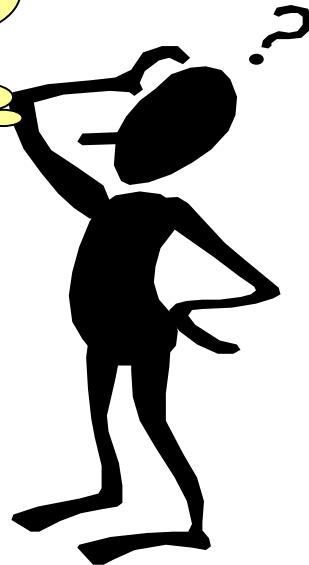


XÁC ĐỊNH CHI PHÍ VỐN CỦA NHTM



1. PP xác định chi phí vốn bình quân gia quyền
2. PP xác định chi phí quá khứ bình quân
3. PP xác định chi phí biên

Sao nhiều
PP thế
nhi???





PP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ VỐN BÌNH QUÂN GIA QUYỀN



❖ Phương pháp này cho biết chi phí vốn của NH được xác định trên cơ sở mức chi phí của từng nguồn vốn kinh doanh.

❖ NH không quan tâm đến chi phí của từng loại nguồn mà quan tâm đến chi phí của toàn bộ nguồn vốn.

$$\sum_{t=1}^n \frac{R_t \times i_t}{A \times r_t}$$

❖ Tỷ lệ cp vốn bq gia quyền =

❖ Chỉ khi toàn bộ nguồn vốn của NH được cho vay hết thì độ chính xác của phương pháp mới cao.



BÀI TẬP ÁP DỤNG



Giả sử nguồn vốn huy động của NHA là 500 tỷ đồng, gồm:

- Tiền gửi không kỳ hạn: 100 tỷđ, chi phí trả lãi và chi phí khác là 6%
- Tiền gửi có kỳ hạn và TGTK đến 24 tháng: 300 tỷđ, chi phí trả lãi và chi phí khác là 8%
- Vốn đi vay: 100 tỷđ, chi phí là 10%

Theo quy định tỷ lệ DTBB đối với TG không kỳ hạn là 5%,

đối với TG có kỳ hạn và TGTK đến 24 tháng là 2%.

Tỷ lệ chi phí vốn bình quân gia quyền là bao nhiêu?



PP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ QUÁ KHỨ BÌNH QUÂN



❖ Phương pháp này nhằm vào việc xác định chi phí vốn của

NH trong quá khứ và trả lời cho câu hỏi NH đã sử dụng những nguồn vốn nào và chi phí của chúng là bao nhiêu.

Tổng CF trả lãi

$$\text{Tỷ lệ CF trả lãi bq} = \frac{\text{Tổng CF trả lãi}}{\text{Tổng vốn huy động + vốn đi vay}}$$



PP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ QUÁ KHỨ BÌNH QUÂN



$$\text{Tỷ lệ CF hoà vốn cho nguồn tài trợ từ bên ngoài} = \frac{\text{CF trả lãi + CF khác}}{\text{TSC sinh lời}}$$

$$\text{Tỷ lệ CF vốn bình quân sau thuế} = \frac{\text{CF trả lãi + CF khác}}{\text{TSC sinh lời}} + \frac{\text{ROE} \times \text{VTC}}{(1-t) \times \text{TSC sinh lời}}$$

- ❖ PP giúp xác định mức lãi suất hòa vốn của NH(mức chi phí bình quân đầu vào) để đưa ra những quyết định hợp lý trong việc sử dụng vốn



BÀI TẬP ÁP DỤNG



NH TMCP Bắc Đô có các số liệu sau:

Tài sản	Số dư	Lãi suất	Nguồn vốn	Số dư	Lãi suất
Chứng khoán	200	6%	Vốn huy động ≤ 12 tháng	400	
Cho vay ngắn hạn	400	9%	Vốn huy động > 12 tháng	100	
Cho vay trung- dài hạn	200	11,6%	Vốn vay	300	
Tài sản có #	50		Vốn và các quỹ	50	

NH phải huy động vốn với tỷ lệ chi phí trả lãi bquan là bao nhiêu

để có được ROE là 10%? Biết thu khác= chi khác, thuế TN=28%



PP XÁC ĐỊNH CHI PHÍ BIÊN



Phương pháp xác định chi phí biên

- Tỷ lệ CF biên (MC) = $\Delta CF / \Delta NV$
 - ✓ $\Delta CF = (\text{LS mới} \times \text{NV tại LS mới}) - (\text{LS cũ} \times \text{NV tại LS cũ})$
 - ✓ $\Delta NV = (\text{NV tại mức LS mới}) - (\text{NV tại mức LS cũ})$
- Lựa chọn tại mức có $MR=MC$



BÀI TẬP ÁP DỤNG



Một ngân hàng dự tính thu hút tiền gửi từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng với mức lãi suất tăng từ 7,5% lên 8%.

Vậy chi phí biên của nguồn vốn tăng lên là:

1, 9%

2, 7,5%

3, 8%

4, 8,5%



ƯU ĐIỂM 3 PHƯƠNG PHÁP TÍNH CHI PHÍ VỐN



XĐ cp vốn bq
gia quyền

❖ Giúp nhà quản lý NH có thể xác định được ảnh hưởng của bất kì sự thay đổi nào trong chi phí huy động.

XĐ cp quá khứ bq

❖ Giúp xác định mức lãi suất hòa vốn của NH (mức chi phí bình quân đầu vào) để đưa ra những quyết định hợp lý trong việc sử dụng vốn.

XĐ cp biên

❖ Phương pháp sẽ cho nhận định chính xác về mức lãi suất hợp lý trong điều kiện lãi suất trên thị trường thay đổi liên tục.



Thank You !

